



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

**BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO**  
**TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH ĐẮK NÔNG**  
**MÙA KHÔ NĂM 2024-2025**

**HÀ NỘI, THÁNG 11/2024**

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước  
Địa chỉ: số 93/95 Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội; ĐT: 024 32665006; Fax: 0243756003  
Website: [cewafo.gov.vn](http://cewafo.gov.vn); Email: [vttcdbttnn@monre.gov.vn](mailto:vttcdbttnn@monre.gov.vn)

## MỤC LỤC

<b>I. LỜI NÓI ĐẦU</b> .....	<b>3</b>
<b>II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT</b>	<b>5</b>
2.1 Thông báo tài nguyên nước dưới đất.....	5
2.1.1 Mục nước.....	5
2.1.2 Chất lượng nước .....	8
2.2 Dự báo mực nước dưới đất .....	9
2.3 Cảnh báo mực nước dưới đất .....	11
<b>III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ</b> .....	<b>11</b>

## I. LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước dưới đất tỉnh Đắk Nông được biên soạn 1 năm 2 lần vào mùa mưa và mùa khô nhằm cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất nhằm phục vụ công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch và quản lý tài nguyên nước.

Đắk Nông là một tỉnh nằm trên 2 lưu vực Srê Pôk và Đồng Nai có diện tích tự nhiên là 6.515,6km<sup>2</sup>. Đặc điểm khí hậu của tỉnh là mùa khô bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau và mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Tài nguyên nước dưới đất của tỉnh gồm 3 tầng chứa nước chính là tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Đệ tứ không phân chia (q), tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa  $\beta(qp)$ , tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới  $\beta(n_2-qp)$ . Tổng tài nguyên nước dự báo cho tầng chứa nước q là 10.413 m<sup>3</sup>/ngày, tầng chứa nước  $\beta(qp)$  là 159.788 m<sup>3</sup>/ngày, tầng chứa nước  $\beta(n_2-qp)$  là 4.481.654 m<sup>3</sup>/ngày.

Nội dung chính của bản tin bao gồm: Thông báo mực nước, chất lượng nước mùa mưa năm 2024 và dự báo mực nước dưới đất mùa khô năm 2024-2025 tại các tầng chứa nước chính và đưa ra cảnh báo mực nước trung bình mùa trong phạm vi 11 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: 93/95 Vũ Xuân Thiều, P. Sài Đồng, Q. Long Biên, Hà Nội

Email: [qtnn@monre.gov.vn](mailto:qtnn@monre.gov.vn)

Bản tin được đăng tải tại Website: [nawapi.gov.vn](http://nawapi.gov.vn); [cewafo.gov.vn](http://cewafo.gov.vn)

Trong mùa mưa năm 2024 mực nước dưới đất trung bình so với cùng kỳ 1 năm trước có xu thế hạ tại tầng chứa nước  $q$  và dâng tại tầng chứa nước  $\beta(n2-qp)$ . Chất lượng nước có xu thế ít biến đổi, nước trong tỉnh thuộc loại nước nhạt, một số nơi có hàm lượng Mn, amoni và Tổng coliform vượt GTGH (QCVN 09:2023/BTNMT).

Dự báo mực nước dưới đất mùa khô năm 2024-2025 so với mực nước thực đo cùng kỳ 1 năm trước có xu thế dâng tại tầng chứa nước  $q$ ,  $\beta(qp)$  và hạ tại tầng chứa nước  $\beta(n2-qp)$ .

Trong khu vực tỉnh Đắk Nông thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước trung bình mùa vượt ngưỡng giới hạn cho phép.

***Chi tiết xem nội dung bản tin./***

## II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

### 2.1 Thông báo tài nguyên nước dưới đất

#### 2.1.1 Mục nước

##### 2.1.1.1 Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Đệ tứ không phân chia (q)

Theo kết quả quan trắc tại 1 công trình thuộc xã Đắc Nang, huyện Krông Nô (LK79T) mực nước trung bình mùa mưa năm 2024 hạ 0,34m so với cùng kỳ 1 năm trước.

Bảng 1. Bảng tổng hợp độ sâu mực nước mùa mưa tầng q (m)

Thời gian	xã Đắc Nang, huyện Krông Nô (LK79T)
T5/2024	-8,01
T6/2024	-7,21
T7/2024	-6,91
T8/2024	-6,59
T9/2024	-6,93
T10/2024	-6,60

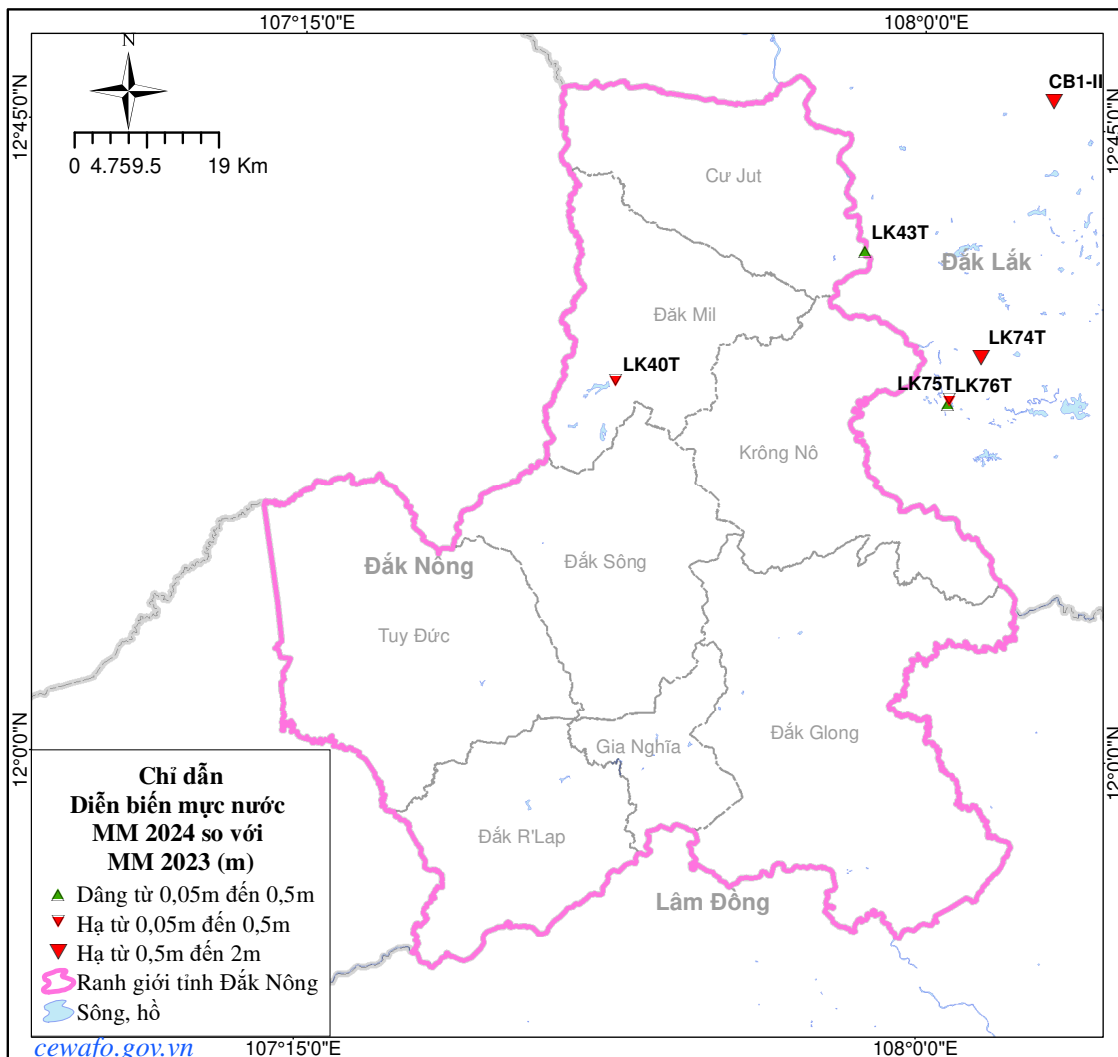
##### 2.1.1.2 Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa $\beta(qp)$

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình mùa mưa năm 2024 không có xu thế rõ ràng so với cùng kỳ 1 năm trước. Giá trị dâng cao nhất là 0,29m tại xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut (LK43T) và giá trị hạ thấp nhất là 0,13m tại xã Đắc Lao, huyện Đắc Mil (LK40T).

Mực nước trung bình mùa nông nhất là -2,66m tại xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut (LK43T) và sâu nhất là -7,82m tại xã Đắc Lao, huyện Đắc Mil (LK40T).

Bảng 2. Bảng tổng hợp độ sâu mực nước mùa mưa tầng  $\beta(qp)$  (m)

Thời gian	xã Đắc Lao, huyện Đắc Mil (LK40T)	xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut (LK43T)
T5/2024	-9,13	-4,34
T6/2024	-8,30	-3,13
T7/2024	-7,96	-2,47
T8/2024	-7,47	-2,27
T9/2024	-7,14	-1,67
T10/2024	-6,91	-2,09



Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tầng  $\beta(qp)$

2.1.1.3 Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới  $\beta(n_2-qp)$

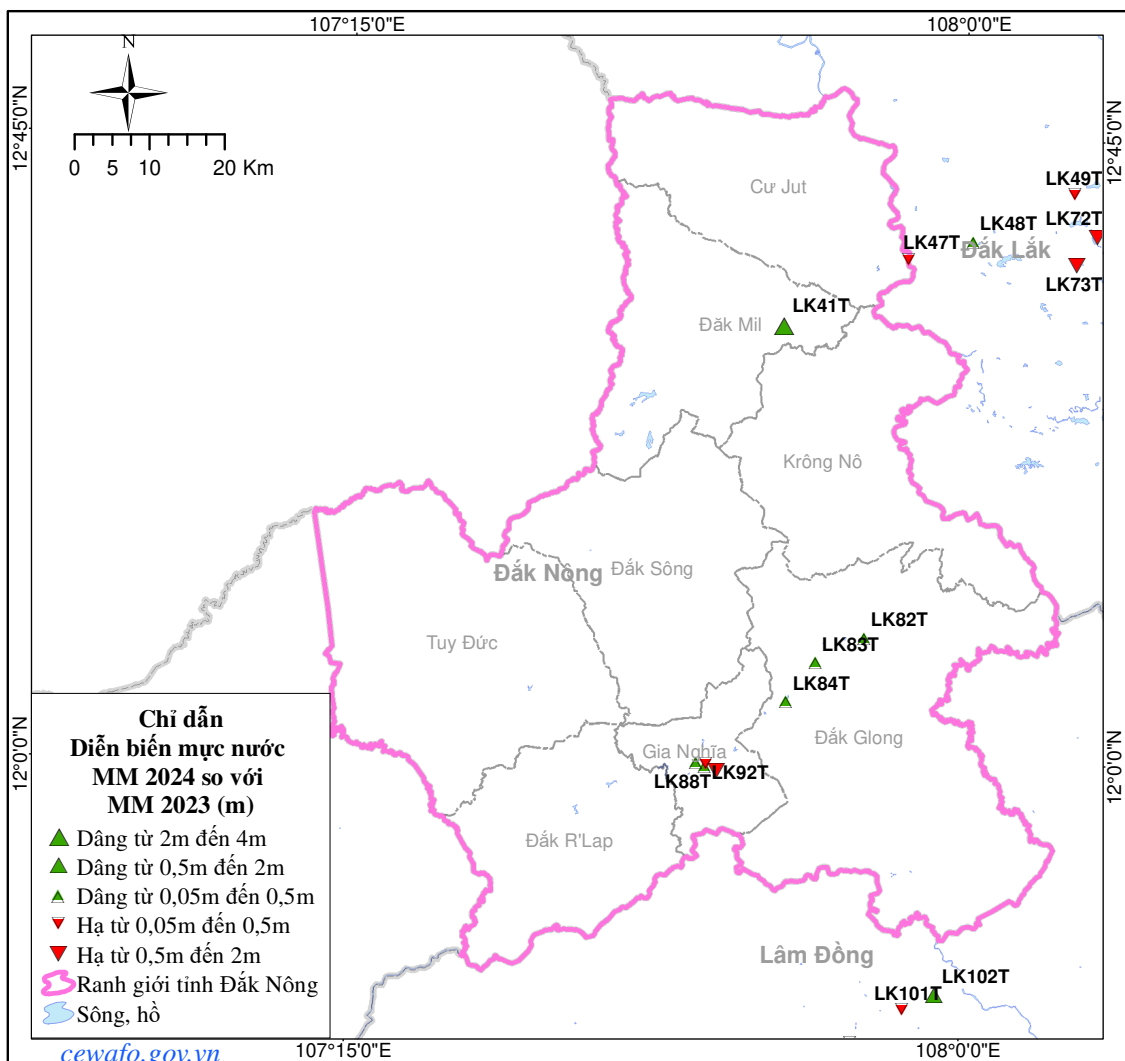
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình mùa mưa năm 2024 có xu thế dâng so với cùng kỳ 1 năm trước. Giá trị dâng cao nhất là 2,38m tại xã Đắk Gắn, huyện Đắk Mil (LK41T) và giá trị hạ thấp nhất là 0,72m tại P.Nghĩa Trung, TX.Gia Nghĩa (LK86T).

Mực nước trung bình mùa nông nhất là -0,3m tại P.Nghĩa Tân, TX.Gia Nghĩa (LK92T) và sâu nhất là -19,58m tại P.Nghĩa Trung, TX.Gia Nghĩa (LK86T).

Bảng 3. Bảng tổng hợp độ sâu mực nước mùa mưa tầng  $\beta(n_2-qp)$  (m)

Thời gian	xã Đắk Gắn, huyện Đắk Mil (LK41T)	xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong (LK82T)	xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong (LK83T)	xã Đắk Ha, huyện Đắk Glong (LK84T)
T5/2024	-12,23	-16,73	-1,38	-6,41
T6/2024	-8,03	-14,81	-0,77	-3,76
T7/2024	-2,83	-14,60	-0,70	-3,16

Thời gian	xã Đăk Gắn, huyện Đăk Mil (LK41T)	xã Quảng Sơn, huyện Đăk Glong (LK82T)	xã Quảng Sơn, huyện Đăk Glong (LK83T)	xã Đăk Ha, huyện Đăk Glong (LK84T)
T8/2024	-1,72	-15,20	-0,82	-3,26
T9/2024	-1,16	-14,79	-0,84	-3,10
T10/2024	-1,85	-15,35	-0,74	-3,35
Thời gian	P.Nghĩa Trung, TX.Gia Nghĩa (LK86T)	P.Nghĩa Trung, TX.Gia Nghĩa (LK88T)	P.Nghĩa Tân, TX.Gia Nghĩa (LK92T)	P.Nghĩa Phú, TX.Gia Nghĩa (LK93Tm1)
T5/2024	-20,47	-3,87	-0,48	-19,47
T6/2024	-20,18	-4,68	-0,26	-18,77
T7/2024	-19,09	-4,68	-0,21	-17,24
T8/2024	-19,37	-4,68	-0,49	-18,33
T9/2024	-18,94	-4,68	-0,27	-16,94
T10/2024	-19,44	-4,71	-0,06	-17,60



Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tầng  $\beta(n_2-qp)$

## 2.1.2 Chất lượng nước

### 2.1.2.1 Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Đệ tứ không phân chia (q)

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2024 tại xã Đắc Nang, huyện Krông Nô (LK79T) được đánh giá theo QCVN09:2023/BTNMT nước trong tầng thuộc nước nhạt. Hầu hết các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép trừ amoni và Mn.

Bảng 4. Tổng hợp kết quả phân tích CLN tầng q (mg/l)

Chỉ tiêu	TDS105	NH4	NO2	NO3	Mn	Cu	Zn	F
GTGH	1.500	1,00	1,00	15,00	0,50	1,00	3,00	1,00
LK79T	164	5,55	0,01	0,02	0,61	0,01	0,05	0,10

### 2.1.2.2 Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa $\beta(qp)$

- Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2024 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại tỉnh cho thấy, nước trong tầng thuộc nước nhạt. Các chỉ tiêu mẫu đa lượng, vi lượng, nhiễm bân và sắt đều nằm trong giới hạn cho phép.

- Theo kết quả phân tích chất lượng nước quý II Dự án Quan trắc môi trường nước dưới đất các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép.

Bảng 5. Tổng hợp kết quả phân tích CLN tầng  $\beta(qp)$  (mg/l)

Chỉ tiêu	TDS105	NH4	NO2	NO3	Mn	Cu	Zn	F
GTGH	1.500	1,00	1,00	15,00	0,50	1,00	3,00	1,00
LK40T	77	0,01	0,05	3,31	0,12	0,01	0,05	0,20
LK43T	102	0,03	0,00	0,38	0,05	0,01	0,05	0,16

### 2.1.2.3 Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới $\beta(n_2-qp)$

- Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2024 được đánh giá theo QCVN09:2023/BTNMT tại tỉnh cho thấy nước trong tầng thuộc nước nhạt. Các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép trừ amoni và Mn.

+ Hàm lượng Amoni vượt GTGH (1mg/l) tại huyện Đắc Glong và TX. Gia Nghĩa, trong đó vượt lớn nhất tại P. Nghĩa Trung, TX. Gia Nghĩa (LK86T).

+ Hàm lượng Mn vượt GTGH (0,5mg/l) ở huyện Đắc Glong và TX. Gia Nghĩa trong đó hàm lượng vượt lớn nhất tại xã Đắc Ha, huyện Đắc Glong (LK84T).

- Theo kết quả phân tích chất lượng nước quý II Dự án Quan trắc môi trường nước dưới đất các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép trừ Tổng coliform. Hàm lượng Tổng coliform vượt GTGH (3mg/l) ở 2/5 công trình tại P.Nghĩa Phú, TX.Gia Nghĩa (LK93Tm1).



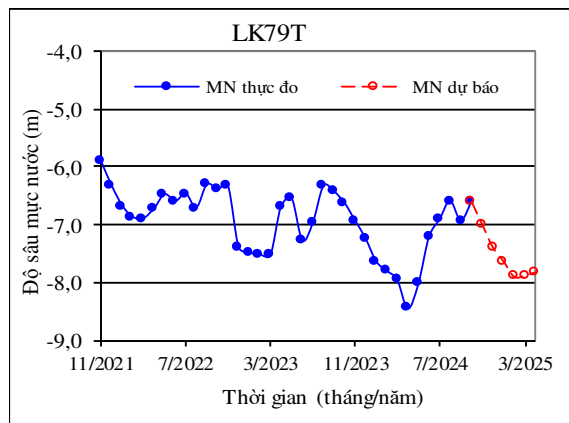
Bảng 6. Tổng hợp kết quả phân tích CLN tầng  $\beta(n_2-qp)$  (mg/l)

Chỉ tiêu	TDS105	NH4	NO2	NO3	Mn	Cu	Zn	F
GTGH	1.500	1,00	1,00	15,00	0,50	1,00	3,00	1,00
LK41T	112	0,04	0,24	3,09	0,44	0,01	0,05	0,21
LK82T	80	0,01	0,00	8,19	0,10	0,01	0,05	0,07
LK83T	116	0,01	0,00	0,07	0,20	0,01	0,05	0,20
LK84T	88	1,76	0,01	0,60	3,58	0,01	0,05	0,12
LK86T	142	5,07	0,01	13,13	1,22	0,02	0,06	0,07
LK88T	138	0,39	0,00	11,44	0,25	0,01	0,05	0,07
LK92T	162	0,02	0,00	0,22	0,22	0,01	0,05	0,07
LK93Tm1	26	0,03	0,00	0,25	0,06	0,01	0,05	0,34

## 2.2 Dự báo mực nước dưới đất

### 2.2.1.1 Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Đệ tứ không phân chia (q)

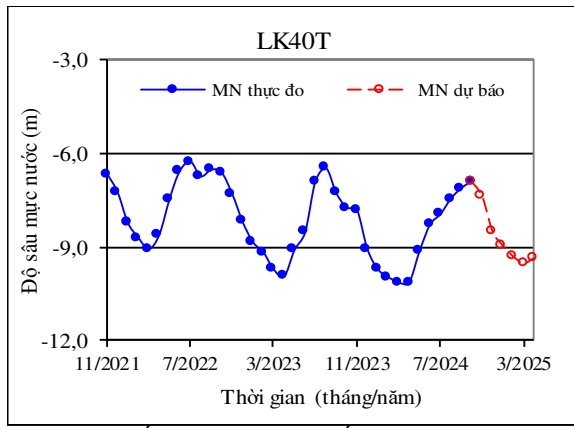
Trong mùa khô năm 2024-2025 mực nước tại công trình LK79T có xu thế dâng 0,07m so với cùng kỳ 1 năm trước. Chi tiết diễn biến mực nước như sau.



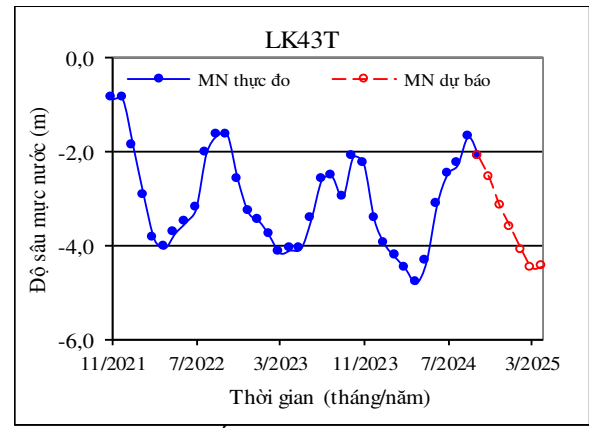
Hình 1. Dự báo độ sâu mực nước tầng q

### 2.2.1.2 Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa $\beta(qp)$

Trong mùa khô năm 2024-2025 mực nước có xu thế dâng so với cùng kỳ 1 năm trước, mực nước dâng từ 0,14m đến 0,66m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau:



a) xã Đăk Lao, huyện Đăk Mil (LK40T)

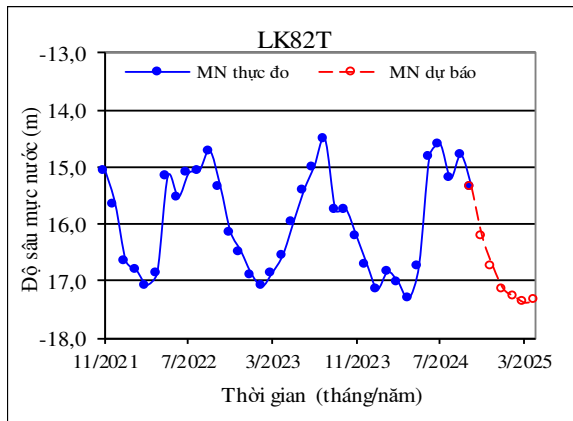


b) xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut (LK43T)

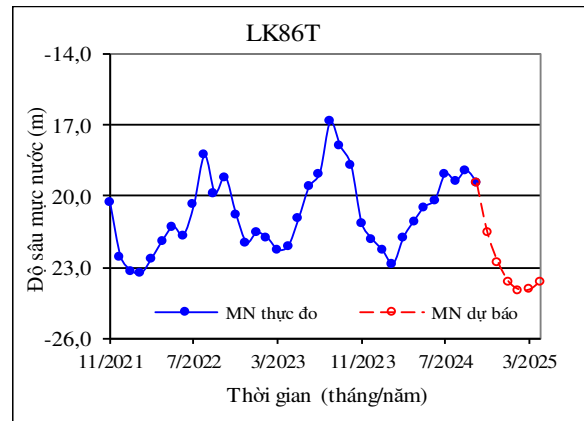
Hình 2. Dự báo độ sâu mực nước tầng  $\beta(qp)$

### 2.2.1.3 Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới $\beta(n_2-qp)$

Trong mùa khô năm 2024-2025 mực nước có xu thế hạ so với cùng kỳ 1 năm trước, mực nước hạ từ 0,14m đến 1,41m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau:



a) xã Quảng Sơn, huyện Đăk Glong (LK82T)



b) P.Nghĩa Trung, TX.Gia Nghĩa (LK86T)

Hình 3. Dự báo độ sâu mực nước tầng  $\beta(n_2-qp)$

Bảng 1. Bảng tổng hợp mực nước dự báo

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước dự báo (m)			Tháng xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
<b>I Tầng chứa nước q</b>						
1	LK79T	xã Đăk Nang, huyện Krông Nô	-6,99	-7,89	-7,66	2/2025
<b>II Tầng chứa nước <math>\beta(qp)</math></b>						
1	LK40T	xã Đăk Lao, huyện Đăk Mil	-7,37	-9,52	-9,49	3/2025
2	LK43T	xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut	-2,55	-4,48	-3,86	3/2025
<b>III Tầng chứa nước <math>\beta(n_2-qp)</math></b>						
1	LK82T	xã Quảng Sơn, huyện Đăk Glong	-16,20	-17,37	-16,87	3/2025
2	LK86T	P.Nghĩa Trung, TX.Gia Nghĩa	-21,54	-23,97	-21,84	2/2025

### **2.3 Cảnh báo mực nước dưới đất**

Theo điều 32 của Nghị định 53/2024/NĐ-CP về xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất, trong tình hình hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Hiện tại, trong phạm vi tỉnh Đắk Nông chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước trên lưu vực và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Trong mùa mưa năm 2024, nhìn chung chất lượng nước trong các tầng chứa nước thuộc tỉnh Đắk Nông đều tốt. Tuy nhiên có một số công trình có hàm lượng Mn, amoni và Tổng coliform vượt quá GTGH so với QCVN 09:2023/BTNMT, đề nghị các cơ quan đưa ra cảnh báo cho người dân và tiếp tục theo dõi thêm.

**GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT  
(QCVN 09:2023/BTNMT)**

	<b>TT</b>	<b>Thông số</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Giá trị giới hạn</b>
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO <sub>3</sub> - tính theo Nito)	mg/l	15
	4	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo Nito)	mg/l	1
	5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	6	Độ cứng (tính theo CaCO <sub>3</sub> )	mg/l	500
	7	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	8	Chloride (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	9	Nitrite (NO <sub>2</sub> - tính theo Nito)	mg/l	1
	10	Fluoride (F <sup>-</sup> )	mg/l	1
	11	Sulfate (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	mg/l	400
	12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	13	Cyanide (CN <sup>-</sup> )	mg/l	0,01
	14	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	15	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	16	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	17	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	19	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	20	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	22	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	23	Aldrin (C <sub>12</sub> H <sub>8</sub> Cl <sub>6</sub> )	mg/l	0,0001
	24	Lindane (C <sub>6</sub> H <sub>6</sub> Cl <sub>6</sub> )	mg/l	0,00002
	25	Dieldrin (C <sub>12</sub> H <sub>8</sub> Cl <sub>6</sub> O)	mg/l	0,0001
	26	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C <sub>14</sub> H <sub>9</sub> Cl <sub>5</sub> ))	mg/l	0,001
	27	Heptachlor & Heptachlorepoxyde (C <sub>10</sub> H <sub>5</sub> Cl <sub>7</sub> & C <sub>10</sub> H <sub>5</sub> Cl <sub>7</sub> O)	mg/l	0,001
	28	Diazinon (C <sub>12</sub> H <sub>21</sub> N <sub>2</sub> O <sub>3</sub> PS)	mg/l	0,02
	29	Parathion (C <sub>10</sub> H <sub>14</sub> NO <sub>5</sub> PS)	mg/l	0,06
	30	Phenol (C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> OH)	mg/l	0,001
	31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	33	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện